

PHÁT HUY NGUỒN LỰC CỦA NHÂN DÂN THEO NHỮNG CHỈ DẪN CỦA HỒ CHÍ MINH

TS. NGUYỄN PHƯƠNG AN^(*)

Tóm tắt: Toàn bộ lịch sử nhân loại chứng minh chân lý: chủ thể cầm quyền có dân là có tất cả, mất dân là mất tất cả. Để có dân, thì trước hết, cách mạng phải là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, việc xác lập vị thế chủ thể của nhân dân mới chỉ có được một nửa sự bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp cách mạng; không phải cứ đặt nhân dân lên địa vị làm chủ là cách mạng thành công. Vấn đề cốt yếu đi liền với sự xác lập vị thế của nhân dân là phải nhận rõ và phát huy được mọi tiềm năng, nguồn lực vĩ đại của nhân dân.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; nhân dân; nguồn lực

Trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhiều phong trào yêu nước, chống ngoại xâm diễn ra nhưng không đạt được mục tiêu. Một trong những hạn chế cơ bản là không đánh giá đúng tầm vóc cũng như phương thức phát huy nguồn lực vĩ đại của toàn dân, nên không thể kiến tạo đủ sức mạnh để đạt được lý tưởng, mục tiêu đề ra.

Nhận thấy hạn chế nêu trên, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến khơi dậy và phát huy đề nguồn lực của nhân dân chuyển hóa thành sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù, mọi trở lực. Từ rất sớm, trong thời gian hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh thường xuyên có những bài viết chỉ rõ cái nhược điểm của đất nước và nêu lên tấm gương của nhiều quốc gia vì biết phát huy sức mạnh dân tộc mà họ đã làm nên thành tựu⁽¹⁾. Hồ Chí Minh thức tỉnh nhân dân để vượt qua tâm lý thân phận thấp hèn, thấy được sức mạnh to lớn của

mình và biết đứng lên làm chủ sự nghiệp đấu tranh bằng nguồn sức mạnh đó⁽²⁾. Suốt thời gian sau đó, Hồ Chí Minh rất thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên và nhân dân về nguồn lực to lớn của toàn dân. Theo Hồ Chí Minh, nhân dân, bằng tất cả tinh thần và lực lượng của mình, đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các yếu tố mà nếu thiếu thì sự nghiệp cách mạng không thể khởi phát, duy trì và phát triển. Cách mạng Việt Nam là sự nghiệp vì nhân dân. Chính nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân đặt ra những yêu cầu tạo nên sự thôi thúc để sự nghiệp cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở nước ta được khởi xướng. Nền tảng vật chất của sự nghiệp cách mạng Việt Nam do nhân dân đóng góp. Hồ Chí Minh luôn chỉ rõ cho cán bộ, đảng viên thấy rằng, họ chỉ là một bộ phận nhỏ bé trong toàn dân. Nhân dân là lực lượng đông đảo, hùng hậu đóng vai trò chính thực hiện đường lối cách mạng, bảo vệ thành quả cách mạng. “Trong cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân”⁽³⁾; “Công việc đời mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”⁽⁴⁾.

^(*) Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh khẳng định: “Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn”⁽⁵⁾. Với quan điểm này, trong quá trình hoạt động cách mạng, ở cương vị nào Hồ Chí Minh cũng chú trọng dựa vào dân, phát huy sức dân, “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁽⁶⁾, xem đó là vấn đề quyết định. Chính vì tiếp tục tôn trọng, biết cách phát huy nguồn lực, sức mạnh của nhân dân theo những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh mà chúng ta giành thắng lợi sau gần một thập kỷ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), sau 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước ở miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975). Đây là bài học có ý nghĩa quyết định thành bại của cách mạng.

Để phát huy được nguồn lực của nhân dân, Hồ Chí Minh thể hiện rõ trong tư tưởng và qua thực tiễn hoạt động của mình sự cần thiết phải có ba yếu tố cơ bản: Thực hành dân chủ - Dân vận khéo - Đại đoàn kết dân tộc. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh thấy được mối quan hệ mật thiết giữa nguồn lực của nhân dân với ba yếu tố này. Đó là mối quan hệ giữa mục tiêu với biện pháp đạt được. Để phát huy được nguồn lực của nhân dân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh trước hết phải xác định đúng vị thế là chủ và làm chủ (dân chủ) để nhân dân có quyền lợi và trách nhiệm tương xứng; khi đã là chủ, nhân dân cần vận động (dân vận) một cách có tổ chức, có định hướng để các nguồn lực không tiềm tàng mà được khơi phát, dẫn dắt phục vụ cho mục tiêu của cuộc cách mạng; “sản phẩm” đỉnh cao của sự vận động trên nền tảng dân chủ phải là một khối nhân dân đoàn kết thống nhất, trong đó các nguồn lực riêng rẽ được quy tụ, kết nối thành nguồn nội lực quốc gia, thành sức mạnh dân tộc để giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ mà cách mạng, đất nước đang đặt ra. Như vậy, bài học rút

ra cần quán triệt ở đây là nguyên lý bốn “dân”: nguồn lực của dân - dân chủ - dân vận - đại đoàn kết dân tộc.

Trong 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc (1945 - 1975), nguồn lực của toàn dân được phát huy cao độ đưa đất nước đến ngày non sông thu về một mối, hòa bình, thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới còn khó khăn, gian khổ hơn nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng đã qua, đặt ra yêu cầu phải tiếp tục “khơi thông dòng chảy” nguồn lực của nhân dân trên một tầm cao mới. Sự vận động thông suốt của dòng chảy nguồn lực của nhân dân bảo đảm cho con tàu cách mạng vững tiến; ngược lại, sự phân tán, đình trệ, bế tắc làm suy yếu sức tiến của cách mạng. Nếu hình dung cách mạng là “con tàu” thì nguồn lực của nhân dân chính là “động cơ” tạo nên sức mạnh để “con tàu” tiến tới; động cơ mạnh thì tàu tiến nhanh, động cơ yếu thì chậm, động cơ không hoạt động thì đứng yên tại chỗ. Tuy nhiên, nhìn thẳng vào sự thật có thể khẳng định, trong thập niên đầu sau ngày thống nhất đất nước (1975 - 1986), nguồn lực của nhân dân chẳng những chưa được phát huy lên tầm cao mới, mà còn có nhiều dấu hiệu cho thấy tình trạng phân tán, đình trệ.

Nguồn lực của nhân dân thể hiện qua ba khía cạnh: nguồn lực trí tuệ; nguồn lực thể chất; nguồn lực vật chất. Cả ba yếu tố này trong 10 năm trước Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đều chưa được khai thác, phát huy đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ:

- Nguồn lực trí tuệ của nhân dân chưa được phát huy. Chính tâm tư, nguyện vọng, sáng kiến mà nhân dân nói ra là cái nôi của đường lối, chủ trương. Khi đường lối, chủ trương hình thành từ đó thì tiếp tục được nhân dân tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện. Điều này chưa được làm

tốt trong 10 năm sau kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi. Cơ chế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp khiến cho nhân dân chưa có nhiều điều kiện để đóng góp ý kiến của mình với đảng bộ và chính quyền các cấp. Đại hội lần thứ VI của Đảng thừa nhận: “Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu, lời nói không đi đôi với việc làm, không tuân thủ quy trình làm việc và ra quyết định”⁽⁷⁾; “chưa chú ý lắng nghe ý kiến của quần chúng”⁽⁸⁾; “Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng”⁽⁹⁾.

- Nguồn lực thể chất của nhân dân bị suy yếu. Biểu hiện rõ nhất là sự nhiệt tình lao động của nhân dân bị suy giảm rất nhiều. Đảng thừa nhận: “Chúng ta duy trì quá lâu một số chính sách kinh tế không còn thích hợp, cản trở sản xuất và không phát huy nhiệt tình cách mạng và sức lao động sáng tạo của những người lao động”⁽¹⁰⁾; “năng suất lao động giảm”⁽¹¹⁾. Sức lao động của tầng lớp trí thức cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng do nhu cầu sinh hoạt tối thiểu chưa được đáp ứng một cách cơ bản. Kinh tế khủng hoảng, nạn thiếu thốn lương thực kéo dài ảnh hưởng không ít đến thể chất của nhân dân, tác động đến sức sản xuất. Ngoài ra, trong xã hội, số người lao động chưa được sử dụng còn đông, “Hàng triệu lao động chưa có việc làm”⁽¹²⁾. Đây là lý do chủ yếu khiến nền sản xuất đình trệ, lâm vào khủng hoảng.

- Nguồn lực vật chất của nhân dân chưa được huy động tốt, hơn nữa có mặt còn bị suy giảm. “Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại”⁽¹³⁾. Các hợp tác xã mở rộng với quy mô lớn, nhưng nguồn vật lực huy động không theo kịp để đáp ứng sản xuất dẫn đến xa rời thực tiễn, hoạt động “chỉ có

hình thức, không có thực chất”⁽¹⁴⁾. Việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh một cách nóng vội, “muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁵⁾, chưa phù hợp với bối cảnh và yêu cầu hiện tại làm thất thoát lớn nguồn lực kỹ thuật, tiền vốn, kinh nghiệm quản lý.

Mặc dù nguồn lực của nhân dân chưa được phát huy và khai thác ngang tầm, bị suy giảm, nhưng không mất đi. Có hai lý do chính để lý giải:

Thứ nhất, bản chất của chế độ là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; những hạn chế, khuyết điểm không phải do bản chất thay đổi mà phần lớn do nhận thức và cách làm chưa đúng. Do vậy, khi chúng ta nhận thức được hạn chế, khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa thì bản chất dân chủ nhân dân chính là nền tảng, gốc rễ giúp chúng ta đổi mới đúng định hướng. Mặt khác, chính bản chất dân chủ nhân dân của chế độ không bị mất đi nên từ trong tình trạng quan liêu vẫn tồn tại nhiều cán bộ, đảng viên chân chính, nặng lòng với nước, tận tâm với dân, trần trụi tìm con đường giúp nhân dân vượt qua cảnh sống khó khăn thời khủng hoảng. Đây chính là các nhân tố góp phần tạo tiền đề cho sự nghiệp đổi mới.

Thứ hai, nhân dân vẫn ủng hộ chế độ, gắn bó chặt chẽ với Đảng và Nhà nước, đoàn kết cùng cố gắng vượt qua khó khăn, thách thức và chủ động tìm đường phát triển mới. Không giống như ở một số quốc gia khác, khủng hoảng kinh tế - xã hội thường nhanh chóng dẫn đến bạo động xã hội và khủng hoảng chính trị. Trong bối cảnh khó khăn của đất nước trước khi khởi xướng đổi mới, hầu như không có bất cứ một cuộc bạo động xã hội của nhân dân, không có khủng hoảng chính trị. “Trong hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên”⁽¹⁶⁾. Niềm tin chính trị,

sự tự giác vượt khó và chủ động sáng tạo của nhân dân là cội nguồn của sự nghiệp đổi mới.

Như vậy, một trong những yêu cầu mấu chốt đặt ra đối với sự nghiệp đổi mới là phải thay đổi cách làm như thế nào để có thể “đem tài dân, lực dân làm lợi cho dân”. Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương: khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực sự coi trọng, phát huy hiệu quả vai trò động lực của con người Việt Nam để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Yêu cầu này chỉ có thể được đáp ứng khi biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo nguyên lý bốn “dân”: nguồn lực của dân - dân chủ - dân vận - đại đoàn kết dân tộc.

Trước hết, cần xác định dứt khoát, rõ ràng vị thế là chủ của nhân dân và có cơ chế thuận lợi để bảo đảm sự thể hiện vị thế đó bằng hành vi “làm chủ” trong thực tiễn. Đảng khẳng định: nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, do vậy trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc, “mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân”⁽¹⁷⁾. Chính bởi phát huy dân chủ mà Đảng ta đề ra được đường lối đổi mới đúng đắn và thực hiện đường lối đó có kết quả trong cuộc sống. Trên nền tảng dân chủ, hai chủ thể - hệ thống chính trị (cán bộ, đảng viên) và nhân dân - cùng vận động trong mối tương tác chặt chẽ nhằm mục tiêu là làm cho nguồn lực của toàn dân đang tồn tại dưới dạng tiềm tàng được vận hành theo định hướng của sự nghiệp đổi mới. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phục vụ nhân dân bằng cách “đem tài dân, lực dân làm lợi cho dân”. Tức là, tổ chức,

hướng dẫn nhân dân, huy động nguồn lực của toàn dân để thực thi các chương trình, kế hoạch phục vụ cho chính lợi ích của nhân dân. Bằng cách này, chế độ chính trị - ngôi nhà mà cán bộ, đảng viên làm việc trong đó - sẽ có được nền tảng vững chắc để đứng vững, có sức mạnh được tạo nên từ nguồn lực to lớn của nhân dân để tự bảo vệ và phát triển. Đây là sự bảo đảm chắc chắn nhất. Về phía nhân dân, trong vai trò người chủ, phải tự giác, tích cực vận động trên hai góc độ: (1) Tham gia xây dựng đường lối, kế hoạch; (2) Hiện thực hóa đường lối, kế hoạch. Hai nội dung này chính là sự tham gia chính trị của nhân dân - một trong những tiêu chí đánh giá dân chủ. Muốn làm tốt cả hai nội dung, nhân dân phải có sức mạnh được tạo nên từ chính nguồn lực, tiềm năng của mình. Tức là, phải khai thác, phát huy tối đa nguồn lực trí tuệ, thể chất và tài vật của nhân dân.

Qua hơn 35 năm đổi mới, việc huy động, khai thác, phát huy nguồn lực trí tuệ của nhân dân được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt theo hai hướng: nâng cao trình độ của nhân dân và tạo cơ chế để nhân dân tham gia đóng góp trí tuệ thuận lợi, hiệu quả. Giáo dục và đào tạo được xem là quốc sách hàng đầu, được đầu tư phát triển về số lượng và luôn tìm tòi nâng cao chất lượng. Nhân dân ngày càng biết nhiều và bàn sâu vào nhiều vấn đề ở Trung ương và địa phương theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”(Đại hội lần thứ XIII của Đảng bổ sung thêm “dân giám sát, dân thụ hưởng”). Nhân dân đóng góp trí tuệ không chỉ để bổ sung, hoàn thiện, mà còn phản biện. Thực tế, đã có một số chương trình, kế hoạch,... khi có ý kiến không nhận được sự đồng tình của đông đảo nhân dân đã bị hủy bỏ hoặc thay đổi. Lấy ý kiến nhân dân trở thành việc làm tự giác, thường xuyên của các cấp chính quyền.

Khai thác và phát huy nguồn lực thể chất của nhân dân cũng được tiến hành theo hai hướng: (1) Tạo cơ chế, tập trung ở cơ chế kinh tế, để không ngừng nâng cao nhiệt tình lao động của nhân dân; (2) Chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân. Từ khi được khởi xướng đến nay, một trong những thành công lớn nhất của sự nghiệp đổi mới là đã giải phóng được sức lao động vốn bị kìm hãm bởi sự suy giảm nhiệt tình lao động của nhân dân trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra sự phân phối lợi ích kinh tế hợp lý hơn, là căn nguyên chủ yếu thúc đẩy nhân dân tích cực, năng động, chuyên cần lao động sản xuất. Nhiệt tình lao động đó được bảo đảm duy trì và nâng cao khi nhiều tiến bộ của hệ thống y tế đã chăm sóc và nâng cao thể lực của nhân dân ngày càng tốt hơn.

Nguồn lực vật chất của nhân dân cũng được khai thác và phát huy bằng cách không ngừng đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút của cải vật chất, kỹ thuật công nghệ trong nhân dân, đồng thời hoàn thiện hệ thống pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích của nhân dân khi tham gia đóng góp. Tiến hành đổi mới, chuyển từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó các thành phần kinh tế bình đẳng, được khuyến khích phát triển đã thu hút được nhiều của cải, tài vật, kỹ thuật, công nghệ cho xây dựng và phát triển đất nước.

Các nguồn lực của nhân dân luôn vận động theo hướng đi từ riêng lẻ đến gắn kết, quy tụ thành khối thống nhất. Đó cũng là quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Xuyên suốt hơn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn thấm nhuần sâu sắc chân lý “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công”⁽¹⁸⁾ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Do

vậy, việc xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc được quan tâm đặc biệt. Văn kiện Đại hội của Đảng từ khóa VI đến khóa XIII đều nhấn mạnh đến xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ngoài ra, Đảng còn có các nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. Đây là những định hướng quan trọng cho hệ thống chính trị và nhân dân trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết. Sự quan tâm đặc biệt đó đã thúc đẩy huy động nhiều nguồn lực, không ngừng đổi mới phương thức để khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, đứng vững trước tác động liên tục của mặt trái kinh tế thị trường và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Kết quả đạt được trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc là rất to lớn. Thông qua đó, quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội đã từng bước được phát huy, góp phần tích cực động viên nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh bằng tất cả mọi nguồn lực, tiềm năng của mình. Bài học rút ra từ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là: Khi toàn dân đã đồng tình thì chắc chắn sẽ dẫn đến đồng lòng, đồng sức làm cách mạng với mọi khả năng cao nhất. Khi đó, đất nước ta, sự nghiệp cách mạng của chúng ta luôn gạt hái thành tựu bởi “Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁽¹⁹⁾.

Sức mạnh của nhân dân quyết định nguồn nội lực của đất nước. Để bảo đảm cho nội lực được duy trì, không ngừng gia tăng cần có sự cộng hưởng với ngoại lực. Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam cho thấy, mặc dù xác định sức mạnh đoàn kết của nhân dân là vô địch, mặc dù khẳng định quan điểm “dựa vào sức mình là chính”, nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam và

Chủ tịch Hồ Chí Minh không vì thế mà đặt nội lực trong trạng thái bị cô lập. Trái lại, càng xem trọng nội lực thì càng phải đặt nội lực trong môi trường gắn kết với ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Thập niên đầu sau ngày giải phóng miền Nam, quan hệ quốc tế và khai thác ngoại lực chủ yếu với các nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sự suy yếu, sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa - quan hệ quốc tế chủ yếu của nước ta - khiến cho nguồn lực này bị cắt giảm nghiêm trọng, tạo nên hụt hẫng không nhỏ. Nhận thấy điều này, khi khởi xướng đổi mới, Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định bài học “phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới... Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn”⁽²⁰⁾. Quan điểm này được thực hiện, bổ sung và phát triển trong nhiều nhiệm kỳ đại hội sau đó. Sự phát triển công tác ngoại giao trong hơn 35 năm qua đã mang lại nguồn ngoại lực to lớn cho sự nghiệp đổi mới. Đảng tổng kết: Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần tạo ra thế và lực mới của đất nước.

Có thể nói, trong hơn 35 năm đổi mới, Đảng ta đã chú trọng phát huy nguồn lực vĩ đại của nhân dân. Đây là cội nguồn của những thành tựu. Từ thực tiễn thắng lợi đó, Đảng đúc rút thành bài học: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng

cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay. Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, cả ở trong nước và ở nước ngoài, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh □

(1) Đơn cừ: “Nhiều biến cố phi thường đã làm đảo lộn thế giới. Nhật Bản đã đứng vào hàng đầu các cường quốc trên thế giới. Trung Hoa đã làm cách mạng. Nga đã tổng cô lũ bạo chúa đi để trở thành một nước cộng hòa vô sản. Một luồng gió giải phóng mạnh mẽ đã làm cho các dân tộc bị áp bức vùng lên. Người Aixolen, Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ, tất cả những người chiến bại hôm qua và nô lệ hôm nay đó, đương đầu tranh đấu dũng cảm cho nền độc lập ngày mai của họ. Riêng người An Nam, thì vẫn cứ thế: sẵn sàng làm nô lệ” (Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.140)

(2) Đơn cừ: “Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi! Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh” (Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.2, Sđd, tr. 144)

(3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Sđd, tr.501

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr. 232

(5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.7, Sđd, tr. 270

(6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.3, Sđd, tr. 596

(7), (8), (9), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17) và (20) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.709, 709, 711, 699, 830, 699 - 700, 704, 704, 710, 711 và 711-712

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.43, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.179

(18) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.13, Sđd, tr.119

(19) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.10, Sđd, tr. 453